TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 460/2025/DS-PT
Ngày 12 - 11 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Tiêu Hồng Phượng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thúy Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 428/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Hộ kinh doanh T.

Địa chỉ: khóm C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là khóm C, xã N, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh D, sinh năm 1995; CCCD số 096095007377 cấp ngày 19/7/2025 (có mặt).

Địa chỉ: Số B, khóm B, phường L, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Đào Văn N, sinh năm 1977; CCCD số 096077008248 cấp ngày 10/10/2022 (có mặt) và bà Lương Kim H, sinh năm 1978; CCCD số 096178015545 cấp ngày 30/8/2021 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khóm T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là khóm T, xã C, tỉnh Cà Mau).

- *Người kháng cáo*: Ông Đào Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, anh Nguyễn Anh D là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/01/2024, hộ kinh doanh T với ông Đào Văn N và bà Lương Kim H ký hợp đồng mua thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thuỷ sản. Theo thoả thuận ông N và bà H nuôi tôm đến khi thu hoạch tôm mới thanh toán tiền cho hộ kinh doanh T. Quá trình giao dịch, ông N và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 28/5/2024 hai bên đối chiếu công nợ, ông N xác nhận còn nợ hộ kinh doanh T số tiền 442.888.000 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ông N và bà H thanh toán số tiền 442.888.000 đồng và tiền lãi chậm trả 10%/năm từ ngày 29/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 13 tháng 18 ngày với số tiền 49.993.000 đồng, tổng cộng 492.881.000 đồng.

Bị đơn, ông Đào Văn N trình bày như sau:

Ngày 02/01/2024, ông và bà Lương Kim H có ký hợp đồng với hộ kinh doanh T để mua thức ăn tôm và các loại thuốc thuỷ sản. Quá trình mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản, ông và bà H còn nợ hộ kinh doanh Trường Phát số tiền 442.888.000 đồng. Ông có ký tên vào bảng đối chiếu công nợ ngày 28/5/2024 nhưng chưa trừ chiết khấu 34.000 đồng/kg thức ăn tôm và chiết khấu thuốc thuỷ sản 35%/ tổng số tiền mua. Nếu trừ chiết khấu thì vợ chồng ông còn nợ hộ kinh doanh T khoảng 160.000.000 đồng. Việc đối trừ chiết khấu là do hai bên thoả thuận miệng, không có ghi trong hợp đồng mua bán. Do đó, ông và bà H chỉ đồng ý trả cho hộ kinh doanh T 160.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 - Cà Mau quyết định:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hộ kinh doanh T. Buộc bị đơn ông Đào Văn N và bà Lương Kim H phải thanh toán cho hộ kinh doanh T số tiền 492.881.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 01/8/2025, ông Đào Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, ông Đào Văn N chỉ đồng ý trả cho hộ kinh doanh T 160.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận, ông N yêu cầu hộ kinh doanh T phải tính chiết khấu cho ông mỗi ký thức ăn tôm là 10.000 đồng, chiết khấu 35%/tổng số tiền mua thuốc thủy sản. Sau khi trừ khoản chiết khấu trên thì vợ chồng ông đồng ý trả nợ cho hộ kinh doanh T 160.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn N. Giữ

nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông Đào Văn N được thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Đào Văn N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông N yêu cầu tính chiết khấu là 35%/tổng số tiền mua thuốc thủy sản và tính chiết khấu tiền mua thức ăn tôm mỗi ký 10.000 đồng. Tổng số tiền ông N yêu cầu được trừ chiết khấu là 262.888.000 đồng, ông N chỉ đồng ý trả cho hộ kinh doanh T 160.000.000 đồng nhưng hộ kinh doanh T không đồng ý. Tại bảng đối chiếu công nợ ngày 28/5/2024 ông N thừa nhận đã ký tên thừa nhận còn nợ hộ kinh doanh Trường P là 442.888.000 đồng. Theo bảng đối chiếu công nợ không thể hiện số tiền được chiết khấu. Do ông N không có chứng cứ chứng minh hộ kinh doanh T có thỏa thuận trừ chiết chấu cho ông N như ông N trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N về việc trừ tiền chiết khấu. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Hợp đồng mua bán và bảng đối chiếu công nợ để xác định số nợ ông N, bà H phải thanh toán cho hộ kinh doanh T là 442.888.000 đồng là có căn cứ.

Đối với khoản tiền do chậm thanh toán: Do ông N, bà H có nợ hộ kinh doanh Trường Phát số tiền 442.888.000 đồng, được ông Năng K xác nhận công nợ ngày 28/5/2024 đến nay ông N và H không thanh toán nên hộ kinh doanh T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định về nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 3 Điều 440 BLDS năm 2015 *"Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả"* Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông N, bà H có nghĩa vụ trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 29/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 13 tháng 18 ngày với số tiền 49.993.000 đồng. Tổng cộng 492.881.000 đồng là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đào Văn N cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc mua bán hàng hóa giữa hộ kinh doanh T với ông N và bà H nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận trừ chiết khấu nên không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đào Văn N không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông N phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đào Văn N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2025/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hộ kinh doanh T. Buộc bị đơn ông Đào Văn N và bà Lương Kim H phải thanh toán cho hộ kinh doanh T số tiền 492.881.000 đồng (Bốn trăm chín mươi hai triệu tám trăm tám mươi mốt nghìn).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Đào Văn N và bà Lương Kim H phải chịu 23.715.000 đồng (chưa nộp). Hộ kinh doanh Trường P không phải nộp án phí, ngày 19/5/2025 hộ kinh doanh T đã dự nộp 11.706.000 đồng theo biên lai thu số 0019517 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cà Mau) được nhận lại.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đào Văn N phải chịu 300.000 đồng. Vào ngày 05 tháng 8 năm 2025, ông N đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0012020 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Phương Loan